NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH
QUYỂN 10

Phần thứ 10, (Đoạn 2): **QUẢ TRÍ**

Luận nói: "Lại nữa, pháp thân của chư Phật thậm thâm hết sức thậm thâm, tướng của thậm thâm nầy làm sao thấy được? Trong đây có nhiều bài tụng".

Giải thích: "Pháp thân của chư Phật thậm thâm", là nói tự tánh của pháp thân nầy khó biết đối với người thông minh ở đời. Hết thảy giác huệ còn không hiểu nỗi. "Hết sức thậm thâm", là nói sai biệt của pháp thân nầy khó biết, hết thảy giác huệ của Thanh-văn, Độc giác không thể thực hành. Thậm thâm như vậy, sẽ dùng mười hai bài tụng hiển thị tóm lược .

Luận nói:

Phật vô sinh là sinh,
Cũng vô trụ là trụ,
Các sự vô công dụng,
Đệ bốn thực làm thực.

Giải thích: Tụng nầy hiển sinh trụ và nghiệp trụ thâm diệu. "Phật vô sinh là sinh", là chư Phật vô sinh mà hiện có sinh, gọi là sinh thậm thâm. "Cũng vô trụ là trụ", là không trụ nơi sinh tử và Niết-bàn làm trụ, đây tức là an trụ nơi Niết-bàn Vô trụ, gọi là trụ thậm thâm. "Các sự vô công dụng", là không do công dụng mà khởi tất cả sự, cũng như Mạt-ni thiên nhạc của thế gian, gọi là nghiệp thậm thâm. "Đệ bốn thực làm thực", thực có bốn thứ: 1. Thực y chỉ bất thanh tịnh trụ, là đủ trói buộc, do đoạn, xúc, ý tư và thức thực khiến cho thân được an trụ. 2. Thực y chỉ tịnh bất tịnh trụ, là nếu sinh tại cõi Sắc, cõi Vô sắc thì do xúc, ý tư và thức thực mà an trụ, vì đã lìa cõi Dục nên không có đoạn thực. Dự lưu hướng... là hữu học nên cũng là thực trụ tịnh bất tịnh, đây là do an trụ tự thể của bốn thực. 3. Thực hoàn toàn y chỉ tịnh tru, là do bốn thực mà A-la-hán an trụ nơi tự thể. 4. Thực chỉ thị hiện y chỉ trụ, là Phật

Thế Tôn thị hiện thọ dụng bốn thực như đoạn. Khi Như Lai thực, thật ra không phải thọ thực, cũng không phải mượn thực để an trụ tự thân, nhưng thuận theo thế gian mà thị hiện thọ thực, mượn thực để an trụ tự thân của ngài, thị hiện thọ đệ bốn thực mà được an trụ, gọi là trụ thậm thâm.

Luận nói:

Vô dị cũng vô lượng,
Vô số lượng một nghiệp,
Nghiệp bất kiên, nghiệp kiên,
Chư Phật đủ ba thân.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị an lập và số nghiệp thậm thâm. "Vô dị", là hiển an lập thậm thâm, vì vô sai biệt mà an lập. "Cũng vô lượng", là hiển số thậm thâm, đây là hiển an lập số của nó là vô lượng. "Vô số lượng một nghiệp", tuy có vô lượng nhưng không có sai biệt. Cái gì là một nghiệp? Là nghiệp biến hóa và nghiệp thọ dụng không khác nhau, vì thành tha lợi. "Nghiệp bất kiên, nghiệp kiên", tự tánh thân của nghiệp chính là kiên trụ, hai thân nghiệp còn lại là bất kiên trụ. Như vậy tất cả đều gọi là nghiệp thậm thâm.

Luận nói:

Hiện đẳng giác chẳng có,
Hết (thảy) giác không phải không,
Mỗi mỗi niệm vô lượng,
Chỗ hiển hữu phi hữu.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị hiện đẳng giác thậm thâm. "Hiện đẳng giác phi hữu", tánh Biến kế sở chấp trong Y tha khởi là không có. "Hết thảy giác không phải không", tánh Viên thành thật trong Y tha khởi là thật có. "Mỗi mỗi niệm vô lượng", là trong các thế giới nhiều hơn, vô lượng số cát sông Hằng, niệm niệm đồng thời có vô lượng Phật Hiện Đẳng Giác. "Chỗ hiển hữu phi hữu", các Như Lai là hữu phi hữu, vì chỗ hiển của tánh không thành tôn vị.

Luận nói:

Phi nhiễm, phi ly nhiễm,
Do dục được xuất ly,
Biết rõ dục vô dục,
Ngộ nhập pháp tánh dục.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị lìa dục thậm thâm. Thế nào là lìa nhiễm? Là đoạn trừ trói buộc của tham. "Phi ly nhiễm", không phải nhanh chóng đoạn tùy miên của tham. "Do dục được xuất ly", là do

giữ lại Tùy miên tham như vậy mà đắc đại Bồ-đề. Nếu người đoạn Tùy miên tham như vậy, thì phải đồng với Thanh-văn, Độc giác nhanh chóng nhập Niết-bàn. "Biết rõ dục vô dục", là biết rõ tánh tham dục và vô dục của Biến kế sở chấp. "Ngộ nhập pháp tánh dục", là ngộ nhập khởi chứng chân như của dục pháp.

Luận nói:

Chư Phật vượt các uẩn,
An trụ trong các uẩn,
Cùng kia phi một, khác,
Không xả mà khéo tịch.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị đoạn uẩn thậm thâm. "Chư Phật vượt các uẩn", là các Như Lai siêu vượt tất cả sắc, thọ... các tụ của Biến kế sở chấp, quán thấy như thật Biến kế sở chấp là không nắm bắt được. "An trụ trong các uẩn", là Phật an trụ trong pháp tánh của uẩn. "Cùng uẩn phi một, khác", là pháp tánh của uẩn cùng với các uẩn của Biến kế sở chấp kia, không thể nói khác vì tánh của Biến kế sở chấp vốn không, không thể nói một vì Biến kế sở chấp thuận theo tạp nhiễm, là pháp cùng với pháp tánh chẳng phải một, chẳng phải khác. "Không xả mà khéo tịch", là không xả các uẩn của pháp tánh, tức là khéo đạt tịch diệt vĩnh viễn.

Luận nói:

Chư Phật sự tương tạp,
Cũng như nước biển lớn,
Ta đã, hiện, đang làm,
Nhưng không nghĩ tha lợi.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị thành thục thậm thâm. "Chư Phật sự tương tạp", là chỗ làm tất cả sự lợi ích an lạc cho hữu tình của các Như Lai, lần lượt hoà đồng hợp thành nhất vị không thể phân riêng.

Hỏi: Sự nầy giống như những gì?

Đáp: Cũng như nước trong biển lớn, là như nước của nhiều sông chảy về biển lớn đều đồng một vị không thể phân riêng, tất cả đều là lợi ích cho cá... "Ta đã hiện đang làm, nhưng không nghĩ tha lợi", là lìa tâm công dụng, suy nghĩ tha lợi ba thời đều khác nhau, nhưng có thể mặc tình tùy ý khởi sự lợi tha, như Mạt-ni thiên nhạc của đế thích... tuy không có nghĩ đến nhưng có tác dụng.

Luận nói:

Chúng sinh tội không hiện,
Như trăng trong chậu vỡ,

Đầy khắp các thế gian,
Pháp sáng như mặt trời.

Giải thích: Tụng nầy chỉ rõ hiển hiện thậm thâm.

Hỏi: Nếu thân của Như Lai là thường trụ, thì trong tất cả thời tại sao không hiện?

Đáp: "Chúng sinh tội không hiện, như trăng trong chậu vỡ", là nước trong chậu vỡ thì không còn bóng trăng, nhưng không hiện không phải là lỗi của trăng, là lỗi của cái chậu. Trong thân của chúng sinh không có nước Xa-ma-tha định trong lành, bóng của Phật không hiện không phải lỗi của Như Lai, mà là lỗi của chúng sinh. Nước dụ cho tánh của đẳng trì thanh nhuận, như nói Như Lai là pháp ảnh vô lậu chân diệu thiện, có cảm thì ảnh nầy hiện. Nếu không có cảm thì giống như mù bẩm sinh không thể thấy được. "Đầy khắp các thế gian, pháp sáng như mặt trời", mặt trời của chư Phật phóng ra chánh pháp của các khế kinh gọi là sáng, chiếu soi khắp tất cả thế gian hữu tình, ai có duyên thì thấy được ánh sáng nầykẻ khác thì không thấy, đó chính là lỗi của họ không phải lỗi của Như Lai. Như mặt trời của thế gian toả sáng chiếu khắp, người có mắt thì thấy, người mù thì không thấy.

Luận nói:

Hoặc hiện đẳng chánh giác,
Hoặc Niết-bàn như lửa,
Điều nầy chưa từng không,
Vì thân chư Phật thường.

Giải thích: Tụng nầy chỉ rõ thị hiện Đẳng Giác Niết-bàn thậm thâm. "Hoặc hiện Đẳng Chánh Giác, hoặc Niết-bàn như lửa", là như lửa của thế gian có chỗ thì đốt cháy, có chỗ thì tắt mất chư Phật cũng như vậy. Đối với người các thiện căn chưa thành thục thì hiện đẳng chánh giác, khiến cho người đó nhanh chóng thành thục đắc giải thoát. Đối với những người thiện căn đã được thành thục, đã được giải thoát thì hiện bát Niết-bàn, vì không có gì để làm. "Điều nầy chưa từng không...", nghĩa của hai câu nầy dễ hiểu.

Luận nói:

Phật đối phi Thánh pháp,
Cõi người và cõi ác,
Trong pháp phi phạm hạnh,
Tự thể tối thắng trụ".

Giải thích: Tụng nầy hiển thị trụ thậm thâm. "Đối với phi Thánh pháp tối thắng tự thể trụ", là đối với các pháp bất thiện, do tự thể tối

thắng trụ, thì trụ tối thắng tức là trụ không, trụ vô nguyện và trụ vô tướng, vì duyên pháp bất thiện mà an trụ. "Đối với cõi người và cõi ác, tự thể tối thắng trụ", là đối với cõi người và các cõi ác, do tự thể tối thắng trụ, thì trụ tối thắng tức là các trụ tĩnh lự và các trụ đẳng chí, vì do duyên các cõi kia mà an trụ. "Trong pháp phi phạm hạnh, tự thể tối thắng trụ ", là trong pháp phi phạm hạnh do tự thể tối thắng trụ, thì trụ tối thắng tức là bốn vô lượng, gọi là phạm trụ, vì duyên phi phạm hạnh mà an trụ.

Luận nói:

Phật hành tất cả xứ, Cũng
không hành xứ nào, Hiện
trong tất cả thân, Không
phải sáu căn hành.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị tự thể thậm thâm. Tự thể, tức là pháp giới thường trụ và chỗ thành tựu đức của Như Lai, tổng gọi là tự thể. "Phật hành tất cả xứ", là trí Hậu đắc đi khắp tất cả. Đi khắp những gì? Là các cảnh giới sai biệt của thiện, bất thiện, vô ký, hữu lậu. Vô lậu, hữu vi, vô vi... "Cũng không hành xứ nào", vì Trí vô phân biệt không có phân biệt, không đi khắp tất cả cảnh giới sai biệt. "Hiện trong tất cả thân", là thân biến hóa đối với tất cả xứ mà hiện thọ sinh. "Không phải sáu căn hành", là pháp thân thường trụ đệ nhất nghĩa, không phải đối tượng được giữ lấy, chủ thể giữ lấy của hữu tình đồng phận trong các xứ sinh, như Na-lạc-ca...

Luận nói:

Phiền não phục không diệt,
Như chú độc hại trừ,
Giữ hoặc, đến hoặc tận,
Chứng Nhất thiết trí Phật .

Giải thích: Tụng nầy hiển thị đoạn phiền não thậm thâm. "Phiền não phục không diệt", là trong vị Bồ-tát phục trừ các phiền não nhưng chưa đoạn vĩnh viễn. "Như chú độc hại trừ", như có nhiều độc bị chú thuật thần nghiệm làm tổn hại, thân thể tuy chưa diệt mất nhưng không bị bệnh hoạn. Phiền não cũng vậy, do niệm lực và trí lực phục trừ các triền phược hiện hành, nhưng tùy miên thì tồn tại. Tại sao phiền não tùy miên còn tồn tại? Vì sợ giống với Thanh-văn thừa nhanh chóng nhập Niết-bàn, nên do đạo lý nầy mà phiền não làm nhân, đến phiền não hết thì đắc hết thảy trí. Như có tụng nói:

Bị lực niệm trí chế,

Phiền não chứng Bồ-đề,
Như chỗ trì độc chú,
Tội lỗi thành công đức.

Luận nói:

Phiền não thành giác phần,
Sinh tử làm Niết-bàn,
Vì đủ đại phương tiện,
Chư Phật bất tư nghì.

Giải thích: Tụng nầy hiển thị bất khả tư nghì thậm thâm, là các phiền não chuyển thành giác phần, sinh tử khổ não tức là Niết-bàn, bốn quả như vậy không phải lý của thế gian có thể nghĩ bàn được.

Luận nói: "Phải biết chỗ nói thậm thâm như vậy có mười hai thứ, là sinh trụ nghiệp trụ thậm thâm, an lập số nghiệp thậm thâm, hiện đẳng giác thậm thâm, ly dục thậm thâm, đoạn uẩn thậm thâm, thành thục thậm thâm, hiển hiện thậm thâm, thị hiện đẳng giác Niết-bàn thậm thâm, trụ thậm thâm, hiển thị tự thể thậm thâm, đoạn phiền não thậm thâm, tư nghì thậm thâm".

Giải thích: Vì mười hai thứ đều khó hiểu nên gọi là thậm thâm, mỗi mỗi biệt tướng của nó như trước đã nói.

Luận nói: "Nếu các Bồ-tát niệm pháp thân của Phật, có bao nhiêu thứ niệm phải tu? Lược nói Bồ-tát niệm pháp thân của Phật do bảy thứ niệm phải tu niệm: 1. Chư Phật đối với tất cả pháp đắc tự tại chuyển, phải tu niệm nầy. Đối với tất cả thế giới đắc thông vô ngại, trong đây có tụng:

Hiện khắp giới hữu tình,
Đủ chướng mà thiếu nhân,
Hai thứ quyết định chuyển,
Chư Phật không tự tại.

2. Thân của Như Lai là thường trụ, phải tu niệm nầy. Chân như vô gián giải thoát cấu uế. 3. Như Lai tối thắng vô tội, phải tu niệm nầy, vì tất cả phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng đều lìa trói buộc. 4. Như Lai hành không công dụng, phải tu niệm nầy, vì không khởi công dụng mà tất cả Phật sự đều không ngơi nghỉ. 5. Như Lai thọ giàu vui lớn, phải tu niệm nầy, vì giàu vui lớn của cõi Phật thanh tịnh. 6. Như Lai lìa các nhiễm ô, phải tu niệm nầy, vì sinh tại thế gian mà tất cả thế pháp không thể làm nhiễm ô. 7. Như Lai có thể thành đại sự, phải tu niệm nầy, vì thị hiện đẳng giác, bát Niết-bàn... tất cả hữu tình chưa thành thục thì có thể khiến cho thành thục, đã thành thục thì khiến cho

giải thoát. Trong đây có hai bài tụng:

Viên mãn thuộc tự tâm,
Đủ thanh tịnh thường trụ,
Không công dụng chủ thể thí,
Hữu tình đại pháp lạc.
Biến hành không nương dựa,
Bình đẳng lợi đa sinh,
Hết thảy Phật, trí giả,
Phải tu tất cả niệm.

Giải thích: Đây là hiển thị Bồ-tát tu niệm công đức pháp thân của chư Phật. "Chư Phật đối với tất cả pháp đắc tự tại chuyển", là các Như Lai đối với tất cả pháp do luyện tập quen nên đắc tự tại chuyển, tạm khởi dục lạc, tất cả công đức đều có thể viên mãn hiện tiền. Nếu các Như Lai rộng khắp trong vô lượng vô biên thế giới, thần thông vô ngại, thì nhân duyên gì mà tất cả hữu tình không Bát Niết-bàn? Do họ có chướng và không có nhân. Trước đã thuyết minh chung về Phật đối với tất cả pháp đắc tự tại chuyển, hiện tại riêng hiển thị Phật đối với hữu tình không đắc tự tại, nên nói Dà-tha. "Chu biến giới hữu tình, đủ chướng mà thiếu nhân", là đủ phiền não nghiệp, chướng dị thục nên gọi là đủ chướng, phiền não mãnh lợi, các nghiệp vô gián ngu si đần độn như thứ tự của nó, không có nhân Niết-bàn, gọi là thiếu nhân. "Hai thứ quyết định chuyển", là khởi quyết định trọng nghiệp và quyết định thọ dị thục. "Tác quyết định trọng nghiệp", là luôn luyện tập quen khiến cho nhân đồng loại và quả đẳng lưu quyết định tương tục, như Vị Sinh Oán hại Phụ vương... "Thọ dị thục quyết định", là khởi quyết định chiêu cảm nghiệp dị thục thì quyết định sẽ thọ các quả dị thục, như các người họ Thích quyết định phải bị vua Tỳ-lô-trạch-ca sát hại. Chư Phật đối với hữu tình đã nói, họ trên, đều không có tự tại, khiến đắc Niết-bàn, nên trước tuy nói chung Như Lai đối với tất cả pháp đắc tự tại chuyển, nhưng hiện tại phải nói riêng là "Chư Phật không tự tại".

"Thân của Như Lai thường trụ", là vì chân như tối thanh tịnh làm tự thể, vì không chuyển đổi, vì không biến dị. "Như Lai tối thắng vô tội", vì các tội của phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng đều đoạn trừ vĩnh viễn. "Như Lai vô công dụng", cũng như thiên nhạc, nghĩa đó dễ hiểu. "Như Lai thọ đại phú lạc", là vì thọ dụng cõi Phật quảng đại thanh tịnh, công đức đại pháp lạctrang nghiêm. "Như Lai lìa các nhiễm ô", là như hoa sen hồng, nghĩa đó dễ hiểu. "Như Lai giỏi thành đại sự", là hiện đẳng giác, bát Niết-bàn... Làm xong đủ nghĩa lợi

quảng đại của hữu tình, như chỗ nhận lãnh khiến cho hữu tình kia thành thục được giải thoát. Như vậy bảy thứ tu niệm Phật, lại lấy hai bài tụng để lược thâu tóm nghĩa của nó. Câu viên mãn thứ nhất là quán thông tất cả. "Thuộc tự tâm viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ nhất đối với hết thảy pháp tự tại chuyển . "Đủ thường trụ viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ hai thân thường trụ. "Đủ thanh tịnh viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ ba tối thắng vô tội. "Vô công dụng viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ bốn vô công dụng. "Năng thí hữu tình đại pháp lạc viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ năm đại pháp lạc. "Biến hành vô nương dựa viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ sáu hết thảy thế pháp không thể nhiễm. "Bình đẳng lợi đa sinh viên mãn", đây là thâu tóm tướng thứ bảy giỏi thành tựu đại sự, có thể làm sự lợi lạc quảng đại. "Hết thảy Phật", là công đức viên mãn của chư Phật Như Lai. "Trí giả", là các Bồ-tát. "Phải tu tất cả niệm", là phải tu bảy thứ tùy niệm như vậy, ghi nhớ rõ ràng khiến không quên, đó chính là nghĩa niệm.

Luận nói: "Lại nữa, tướng thanh tịnh cõi Phật của chư Phật làm sao biết được? Như trong phẩm tựa của khế kinh bách thiên thuộc Bồ-tát tạng nói: "Đức Bạc-già-phạm trụ nơi quang diệu tối thắng bảy báu trang nghiêm, phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả vô biên thế giới, vô lượng phương sở khéo trang hoàng xen tạp giăng hàng, chu vi không có biên vực, lớn rộng khó lường, vượt hơn xứ hành của ba giới, hơn chỗ khởi thiện căn của xuất thế gian, tịnh thức tối cực tự tại làm tướng, chỗ đóng đô của Như Lai là chỗ vân tập của chúng đại Bồ-tát, là chỗ thường hộ trì của vô lượng Thiên, Long, Dược-xoa, Kiện-đạt-phược, A-tố-lạc, Yết-lộ-đà, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già, Nhân, Phi nhân... từ chỗ duy trì của pháp vị hỷ lạc quảng đại, khởi tất cả nghĩa lợi của các chúng sinh, xua trừ tất cả phiền não tai hoạ, xa lìa chúng ma, chỗ dựa trang nghiêm của Như Lai vượt hơn các thứ trang nghiêm, đại niệm huệ hạnh dùng làm đường đi, đại chỉ diệu quán dùng làm xe cộ, đại không vô tướng, vô nguyện, giải thoát lấy làm cửa vào (môn), được trang nghiêm bằng vô lượng chúng công đức, sự kiến lập của Đại Bảo hoa vương, trong đại cung điện hiển thị cõi Phật thanh tịnh như vậy, hiển sắc viên mãn, hình sắc viên mãn, phần lượng viên mãn, phương sở viên mãn, nhân viên mãn, quả viên mãn, chủ viên mãn, tùy tùng viên mãn, quyến thuộc viên mãn, nhận trì viên mãn, sự nghiệp viên mãn, dẫn dắt lợi ích viên mãn, vô uý viên mãn, trụ xứ viên mãn, đạo lộ viên mãn, thừa viên mãn, môn viên mãn, dựa giữ viên mãn". Lại nữa, thọ dụng cõi Phật thanh tịnh như vậy, hoàn toàn tịnh diệu, hoàn toàn an lạc, hoàn toàn vô

tội, hoàn toàn tự tại".

Giải thích: Đây là y theo cõi Phật thanh tịnh của chư Phật.

"Đức Bạc-già-phạm trụ nơi quang diệu tối thắng bảy báu trang nghiêm nơi đó", là Tịnh độ của Phật sáng chiếu tối thắng, dùng bảy thứ báu tô điểm trang nghiêm, hoặc ngay bảy báu là rực sáng tối thắng. Bảy báu là: 1. Kim. 2. Ngân. 3. Lưu ly. 4. Mâu-sa-lạc. 5. Át-thấp-ma-yết-sa. Báu nầy lại là những gì? Đó gọi là các báu của đế thanh đại thanh. 6. Xích chân châu. Sinh từ xích trùng gọi là xích chân châu. 7. Yết-kê-đát-nặc-ca.

"Phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả vô biên thế giới", là ngay trên bảy báu quang diệu tối thắng phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả vô biên thế giới, hoặc cõi Phật tịnh phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả vô biên thế giới, thì thể của nó cũng trùm khắp vô biên thế giới. Hai câu trên là hiển thị tịnh độ của Phật và hiển thị sắc viên mãn.

"Vô lượng phương sở khéo trang hoàng đan xen giăng hàng", là tịnh độ của Phật khéo trang hoàng xen tạp giăng hàng, như huệ đầu tiên an bày trang sức xen tạp. Câu nầy hiển thị hình sắc viên mãn.

"Chu vi không có biên vực, lớn rộng khó lường", là tịnh độ của Phật lượng chu vi không có bờ mé rộng lớn khó lường, hoặc lượng vô biên vực nên chu vi khó lường. Câu nầy hiển thị phần lượng viên mãn.

"Vượt hơn xứ hành của ba giới", là tịnh độ của Phật, phương xứ vượt hơn hành xứ của ba giới, vì không phải chỗ hành của ba giới ái, không phải các hệ thuộc nơi nghiệp quả dị thục. Câu nầy hiển thị phương sở viên mãn.

"Hơn chỗ khởi thiện căn của xuất thế gian", là thiện căn của xuất thế gian làm nhân, và thiện căn hậu đắc thắng làm nhân, tịnh độ sinh khởi, không phải các tự tại làm nhân của tịnh độ. Câu nầy hiển thị nhân viên mãn.

"Tịnh thức tối cực tự tại làm tướng", là tịnh độ của Phật, tâm thức thanh tịnh tự tại tột cùng làm thể tướng, vì Duy thức, không phải lìa ngoài thức mà riêng có các vật báu, ngay nơi tâm thức tịnh như vậy mà biến hiện tợ nhiều vật báu. Câu nầy hiển thị quả viên mãn.

"Chỗ đóng đô của Như Lai", Phật là chủ thành đô, không ai khác. Câu nầy hiển thị chủ viên mãn.

"Là chỗ vân tập của chúng đại Bồ-tát", là chỉ có đại Bồ-tát đã nhập đại địa, dừng trụ trong đó để phò tá Như Lai không phải là Thanh-văn, Độc-giác. Câu nầy hiển thị tùy tùng viên mãn.

"Vô lượng Thiên, Long, Dược-xoa...", là chư thiên... Dừng trụ trong đó để làm quyến thuộc, đây là do biến hóa không phải thật. "Ma-hô-lạc-già", đây là gồm thâu luôn đại mãng. Câu nầy hiển thị quyến thuộc viên mãn.

"Từ chỗ duy trì của pháp vị hỷ lạc quảng đại", là trong tịnh độ, pháp vị Đại thừa hỷ lạc làm thực (thức ăn). Câu nầy hiển thị nhận giữ viên mãn, vì thực có thể nhận giữ các thân mạng.

"Khởi tất cả nghĩa lợi của các chúng sinh", là ăn thức ăn nầy xong thì khởi các sự lợi lạc của các hữu tình. Câu nầy hiển thị sự nghiệp viên mãn.

"Dứt trừ tất cả phiền não tai hoạ", là trong tịnh độ, không có chỗ khởi tai hoạ của các phiền não. Câu nầy hiển thị dẫn dắt lợi ích viên mãn.

"Xa lìa các ma", là lìa bốn thứ oán địch ma phiền não, ma uẩn, ma tử và ma thiên. Câu nầy hiển thị vô uý viên mãn.

"Chốn nương dựa trang nghiêm của Như Lai vượt hơn các thứ trang nghiêm", là vượt hơn tất cả trang nghiêm của Bồ-tát, là chốn nương dựa trang nghiêm của Như Lai. Câu nầy hiển thị trụ xứ viên mãn, vì tối thắng đối với các trụ xứ.

"Đại niệm huệ hạnh dùng làm đường đi", tư tạo thành huệ gọi là đại niệm, văn tạo thành huệ gọi là đại huệ, tu tạo thành huệ gọi là đại hạnh. Câu nầy hiển thị đạo lộ viên mãn, vì du lộ là dị danh của đạo.

"Đại chỉ diệu quán dùng làm xe cộ (thừa)", là ngồi xe (thừa) Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na dạo trên ba huệ lộ, đến vườn hướng tới, hơn chỗ thừa chỉ quán của Thanh-văn, Độc giác và Bồ-tát nên gọi là đại. Câu nầy hiển thị thừa viên mãn.

"Đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát lấy làm cửa vào (môn)", là ba môn giải thoát, là chỗ tiến vào. Môn, nghĩa là thông suốt. Đại, nghĩa giống như trên. Câu nầy hiển thị môn viên mãn.

"Chỗ trang nghiêm của vô lượng chúng công đức, chỗ kiến lập của đại bảo hoa vương", ví như các vật dụng trang nghiêm quí báu của thế gian, có nhiều vật báu trang nghiêm, là chỗ nương của tịnh độ Phật nầy là Đại Bảo hồng liên hoa vương. Chỗ trang nghiêm của vô lượng chúng công đức", là như địa luân... nương phong luân mà trụ, như vậy chỗ trang nghiêm vô lượng chúng công đức của tịnh độ, là chỗ kiến lập của Đại Bảo hoa vương. Hồng liên hoa nầy tối thắng trong nhiều hoa, nên gọi là Đại Bảo hoa vương, hoặc Như Lai gọi là Đại vương, Đại Pháp vương. Hồng liên hoa nầy là chỗ dựa của Phật, từ chủ mà đặt tên.

"Chỗ kiến lập", là tịnh độ của Phật nương vào hoa vương nầy, thời gian lâu dài tương tục không gián đoạn. Câu nầy hiển thị y trì viên mãn.

"Thọ dụng cõi Phật thanh tịnh như vậy hoàn toàn tịnh diệu", đều tịnh, vì lìa phẩn uế. "Hoàn toàn an lạc", vì không có khổ thọ và thọ trong xứ. "Hoàn toàn vô tội", vì không có bất thiện và vô ký. "Hoàn toàn tự tại", vì không chờ ngoại duyên, mà tạm khởi nơi tâm nhiều sự làm đủ.

Luận nói: "Lại nữa, phải biết pháp giới của chư Phật như vậy, trong tất cả thời có thể khởi năm nghiệp: 1. Cứu tế tất cả tai hoạ của hữu tình làm nghiệp, vì khi tạm thấy thì liền có thể cứu tế các tai hoạ như đui, điếc, cuồng... 2. Cứu tế cõi ác làm nghiệp, vì dắt kéo hữu tình nơi bất thiện đặt vào xứ thiện. 3. Cứu tế phi phương tiện làm nghiệp, vì khiến cho các ngoại đạo xả phi phương tiện cầu hạnh giải thoát mà đặt vào Thánh giáo của Như Lai. 4. Cứu tế Tát-ca-da làm nghiệp, vì họ truyền dạy cho đạo có thể siêu ba cõi. 5. Cứu tế thừa làm nghiệp, vì giúp kéo Bồ-tát muốn đến thừa khác, và giúp kéo chủng tánh bất định nơi Thanh-văn, Độc giác, đặt vào xứ an khiến họ tu hạnh Đại thừa. Đối với năm nghiệp nầy, phải biết nghiệp dụng của chư Phật là bình đẳng. Trong đây có tụng:

Nhân y sự tánh hạnh,
Sai biệt nên nghiệp khác,
Thế gian lực biệt nầy,
Không có, phi đạo sư".

Giải thích: Pháp giới của chư Phật tức là pháp thân, phải biết luôn luôn có thể khởi năm nghiệp.

"Cứu tế tất cả tai hoạ của hữu tình làm nghiệp", nguyên nhân sinh ra các thứ bệnh hoạn, ưu khổ... gọi là tai hoạ. "Vì khi tạm thấy thì liền có thể cứu tế các tai hoạ như đui, điếc, cuồng...", như khế kinh nói: "Nếu khi thấy Phật thì người mù được nhãn, người điếc được nhĩ, người cuồng được niệm..."

Hỏi: Như nói pháp thân không phải cảnh của sáu căn, tại sao hiện tại nói người mù được nhãn... có thể thấy pháp thân làm nghiệp của pháp thân?

Đáp: Người thấy pháp thân là do uy lực của đại nguyện khi xưa dẫn phát làm thành đầy đủ pháp thân, lần lượt phát khởi thân biến hóa, thân thọ dụng, do đây có thể khiến cho người mù được nhãn... Do uy lực của tư lương khi xưa dẫn phát chứng đắc pháp thân, tùy ý khởi dụng, như cơ quan của bánh xe, lấy ngọn quy về gốc. "Thấy pháp thân", thật

ra chỉ có thấy Hóa thân.

"Cứu tế cõi ác làm nghiệp...", vì kéo dắt hữu tình nơi bất thiện đặt vào thiện xứ mới gọi là cứu tế. Nhân đó nếu không có thì quả cũng không.

"Cứu tế phi phương tiện làm nghiệp...", câu nầy ý nghĩa khá rõ ràng.

"Cứu tế Tát-ca-da làm nghiệp...", Ca-da gọi là thân. Hành vi hư giả gọi là tát. Thân hư vi gọi là Tát-ca-da, trong đó làm cho thân kiến chuyển, tức là các pháp hữu lậu của ba giới. Đối với Tát-ca-da kia truyền dạy phương pháp xuất ly nên gọi là cứu tế.

"Cứu tế thừa làm nghiệp...", vì khiến cho chủng tánh bất định nơi Bồ-tát và Thanh-văn, Độc giác chứng đại Bồ-đề, an lập những người đó vào chánh hạnh của Đại thừa, phải biết chư Phật đối với năm nghiệp đều bình đẳng.

Để hiển nghĩa nầy nên nói tụng:

"Nhân nương vào sự, tánh... Là nhân của thế gian sai biệt nên thừa nhận nghiệp khác", nhân của chư thiên khác với nhân của người, quỷ... mỗi mỗi đều khác nhau nên nghiệp có khác. Chư Phật thì không như thế, vì nhân không có riêng khác, nghiệp không phải khác.

"Thế gian dựa vào sai biệt nên thừa nhận nghiệp khác". Y là thân thể, thân thể kia sai biệt nên nghiệp khác, như chủ thiên kia dạy cho chư thiên ở đó cúng tế, dạy nương vào thân riêng khác, nên nghiệp đó mỗi mỗi khác nhau. Chư Phật thì không như thế, vì pháp thân không riêng khác nên nghiệp không phải khác.

"Thế gian sự sai biệt nên thừa nhận nghiệp khác": Sự là các sự sai biệt của chỗ tạo tác thọ dụng, mỗi mỗi đều riêng khác nên nghiệp, như các nghiệp kinh doanh nông sự của phàm phu khác biệt, các sự thương mãi khác biệt. Tất cả chư Phật đều không như thế, vì sự lợi ích cho chúng sinh không sai biệt nên nghiệp không phải khác.

"Thế gian tánh sai biệt nên thừa nhận nghiệp khác", tánh là ý lạc, như ý lạc lợi ích và ý lạc an lạc của thế gian, vì cảnh giới sai biệt nên nghiệp khác. Chư Phật thì không như thế, vì lợi ích an lạc tất cả hữu tình nhưng ý lạc không riêng biệt nên nghiệp không phải khác.

"Thế gian hành sai biệt nên thừa nhận nghiệp khác": Hành là công dụng, như công dụng nhỏ thì có thể khởi nghiệp nhỏ, nếu công dụng lớn thì khéo khởi nghiệp lớn, công dụng riêng biệt nên nghiệp khác. Chư Phật thì không như thế, vì tất cả chỗ tạo tác đều là vô công dụng nên nghiệp không phải khác.

"Biệt lực nầy không có nên không phải đạo sư", vì năm biệt lực của các nhân... không có nên không phải đạo sư nơi năm nghiệp sai biệt của thế gian.

Luận nói: "Nếu công đức viên mãn nầy tương ưng, thì pháp thân của chư Phật không chung với Thanh-văn và Độc giác thừa. Ý nghĩa sâu xa gì mà Phật thuyết nhất thừa? Trong đây có hai bài tụng:

Vì dẫn dắt một loại,
Và nhận giữ chỗ khác,
Do chủng tánh bất định,
Chư Phật nói Nhất thừa.
Pháp vô ngã giải thoát,
Đẳng nên tánh bất đồng,
Đắc hai ý lạc hoá,
Cứu cánh nói Nhất thừa.

Giải thích: Nương vào mật ý nầy mà Phật nói Nhất thừa, hai bài tụng hiển thị. "Vì dẫn dắt một loại", là biết rõ chủng tánh bất định nơi Thanh-văn tiến đến phương tiện giải thoát kia dẫn dắt khiến nương vào Đại thừa mà Bát Niết-bàn nên nói Nhất thừa. "Và nhận giữ chỗ khác", vì muốn nhận giữ các Bồ-tát chủng tánh bất định khác, sợ đối với Đại thừa họ hay thối chuyển nên nói Nhất thừa để nhận giữ khiến cho trụ, không để Bồ-tát đó nương vào Thanh-văn thừa mà bát Niết-bàn. "Pháp bình đẳng". Pháp là chân như, các Thanh-văn, Độc giác thừa tuy sai biệt nhưng đồng đến chân như, chỗ đến chân như không có sai biệt, nên nói Nhất thừa. "Vô ngã bình đẳng", vì Bổ-đặc-già-la vô ngã đồng nhau. Nếu thật có khác nhau thì Bổ-đặc-già-la có thể có thừa riêng khác, đây là Thanh-văn, đây là Bồ-tát, nhưng đã thật không có Bổ-đặc-già-la khác nên nói Nhất thừa. "Giải thoát bình đẳng", là đối với ba thừa thì phiền não chướng và giải thoát không khác nhau, như Thế Tôn nói: "Giải thoát, giải thoát không có sai biệt", do ý nghĩa nầy nên nói Nhất thừa. "Tánh bất đồng", vì chư Thanh-văn chủng tánh bất định có sai biệt, là trong thân của Thanh-văn hồi hướng Bồ-đề có đủ chủng tánh Thanh-văn và chủng tánh Phật, do đạo lý nầy nên nói Nhất thừa. "Đắc hai ý lạc", là đắc hai thứ ý lạc: 1. Chư Phật đối với tất cả hữu tình đắc đồng tự thể ý lạc, nói hữu tình kia tức là Ta, Ta tức là họ, do nhân duyên đó mà Phật nầy đã thành Phật thì hữu tình kia cũng thành Phật, nên gọi là đắc hết thảy ý lạc. 2. Thế tôn nơi hội pháp hoa, cùng với chư Thanh-văn, như tôn giả Xá-lợi- tử... được Phật thọ ký riêng biệt, vì khiến cho thâu đắc ý lạc như vầy: "Chúng ta cùng với Phật bình đẳng không hai".

Lại nữa, nơi hội nầy có các Bồ-tát cùng với các Thanh-văn kia tên đồng nhau, nhưng được thọ ký riêng biệt, một lời Phật nói, đều hàm chứa hai thứ lợi ích, là các Thanh-văn thâu đắc ý lạc đồng tự thể của Phật, và các Bồ-tát đắc thọ ký riêng biệt, do đạo lý nầy nên nói Nhất thừa. "Hoá", là như Thế Tôn nói: "Này các Tỳ-kheo! Ta nhớ khi xưa, vô lượng trăm lần, trở lại nương vào Thanh-văn thừa mà Bát Niết-bàn. Tại sao đã thành Phật, lại còn nương vào Thanh-văn mà bát Niết-bàn? Cho nên trong đây có ý nghĩa riêng, là vì điều phục chỗ hoá độ hữu tình của chủng tánh Thanh-văn là tự Hóa thân của mình, nên đồng với loại thừa của Thanh-văn kia thị hiện Bát Niết-bàn. Do nghĩa nầy, hoặc Thanh-văn thừa hoặc Độc giác thừa tức là Đại thừa, nên thành Nhất thừa. "Cứu cánh", là nương vào lý cứu cánh mà nói Nhất thừa, nhưng không phải không quy về riêng biệt, do ngoài Nhất thừa nầy, không có thừa nào thù thắng hơn, chỉ có Nhất thừa ấy là tối thắng, nên Phật nói Nhất thừa.

Luận nói: "Như vậy chư Phật đồng một pháp thân, nhưng Phật thì có nhiều, duyên gì thấy được? Trong đây có tụng:

Trong một cõi không hai,
Đồng thời vô lượng tròn,
Thứ tự chuyển phi lý,
Cho nên có nhiều Phật".

Giải thích: "Trong một cõi không hai", là trong một thế giới không có hai Phật, nên phải nói chỉ có một Phật. "Đồng thời vô lượng tròn", là vô lượng Bồ-tát tu tập tư lương đồng thời viên mãn, hiện thành quả Phật trong nhiều thế giới, nên chư Phật phải nói là có nhiều. Hoặc có người nói: "Trong một thế giới thứ tự trước sau, có vô lượng Bồ-tát thành đẳng chánh giác, không phải nhiều thế giới đồng thời có nhiều Phật, để phá chấp nầy nên nói "Thứ tự chuyển phi lý", vì không có nhân duyên, vô lượng Bồ-tát tu tập tư lương đồng thời viên mãn, lần lượt đối đãi lẫn nhau thứ tự thành Phật nên chư Phật đồng thời có nhiều.

Luận nói: "Làm sao biết được Phật trong pháp thân không phải rốt ráo nhập Niết-bàn, cũng không phải rốt ráo không nhập Niết-bàn? Trong đây có tụng:

Vì thoát tất cả chướng,
Vì việc làm chưa xong,
Phật rốt ráo Niết-bàn,
Rốt ráo không Niết-bàn.

Giải thích: Có người Đại thừa cho Phật rốt ráo không bát Niết-bàn, đó là nói về Niết-bàn giới Vô dư y, còn như bảo Phật rốt ráo Niết-

bàn, đó là nói Niết-bàn giới Hữu dư y. Hai ý nghĩa nầy quyết định là chấp phi lý, nếu đúng đắn thì phải nói chư Phật không phải quyết định rốt ráo nhập Niết-bàn, cũng không phải rốt ráo không nhập Niết-bàn, vì Phật đã giải thoát tất cả chướng nên rốt ráo Niết-bàn, nhưng các sự phải làm thì không hẹn ngày xong nên chư Phật rốt ráo không nhập Niết-bàn.

Luận nói: "Tại sao thân thọ dụng không phải là thân tự tánh? Do sáu nguyên nhân: 1. Vì sắc thân có thể thấy. 2. Vì chúng hội của vô lượng Phật có thể thấy. 3. Vì tùythắng giải thấy tự tánh bất định có thể thấy. 4. Vì riêng biệt mà thấy tự tánh biến động có thể thấy. 5. Vì vô số chúng hội của Bồ-tát, Thanh-văn và chư thiên xen tạp có thể thấy. 6. Vì thức A-lại-da cùng với các thức chuyển y theo phi lý có thể thấy. Thân thọ dụng của Phật tức là thân tự tánh là không đúng đạo lý".

Giải thích: Sắc thân có thể thấy, là thân thọ dụng có sắc có thể thấy, không phải thân tự tánh có sắc có thể thấy, nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh. Lại nữa, vô lượng chúng hội của thân thọ dụng, thọ dụng sắc pháp sai biệt có thể thấy. Không phải thân tự tánh có những sai biệt nầy, nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh. Lại nữa, thân thọ dụng tùythắng giải thấy tự tánh bất định, như khế kinh nói: "Hoặc có một loại thấy thọ dụng Phật, hoặc có một loại thấy là thiếu niên, hoặc có một loại thấy làm Đồng tử". Như vậy rộng nói, không phải thân tự tánh, vì có bất định nầy nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh.

Lại nữa, tự tánh của thân thọ dụng biến động sai biệt có thể thấy, một người có thể thấy thì trước hết trong cùng một lúc thấy thân thọ dụng hình tướng riêng khác, sau đó trong cùng một lúc lại thấy riêng khác, không phải thể của thân tự tánh biến động, nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh. Lại nữa, vô số chúng hội thân thọ dụng của Bồ-tát, Thanh-văn và chư thiên, thường là chỗ xen tạp, không phải thân tự tánh, phải có chúng hội xen tạp như vậy, nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh. Lại nữa, thấy chuyển y không đúng đạo lý, là chuyển thức A-lại-da đắc thân tự tánh, chuyển các thức chuyển đắc thân thọ dụng, nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh. Do sáu thứ nầy không xứng với chánh lý, cho nên thân thọ dụng không phải thân tự tánh.

Luận nói: "Nguyên nhân nào thân biến hóa không phải là thân tự tánh? Do tám nguyên nhân: Là các Bồ-tát từ lâu xa đến nay đắc định bất thối, sinh trong trời đỗ-sử-đa và nhân loại, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, các Bồ-tát từ lâu xa đến nay thường nhớ túc trụ, trong

biên chép, toán số, ấn, công xảo luận và trong hành thọ dụng dục trần, không khả năng chánh tri là không đúng đạo lý.

Lại nữa, các Bồ-tát từ lâu xa đến nay, đã biết pháp giáo nói ác, nói thiện, mà đến chỗ ngoại đạo là không đúng đạo lý.

Lại nữa, các Bồ-tát từ lâu xa đến nay, đã có thể khéo biết ba thừa chánh đạo, tu khổ hạnh tà là không đúng đạo lý.

Lại nữa, các Bồ-tát xả bỏ một trăm câu-chi các châu thiệm bộ, chỉ tại một xứ thành đẳng chánh giác, chuyển chánh pháp luân là không đúng đạo lý.

Nếu lìa sự thị hiện thành đẳng chánh giác, chỉ lấy Hóa thân đối với các xứ kia nêu bày Phật sự thì liền thích ứng, nhưng đối với thiên Đỗ-sử-đa thành chánh giác, tại sao không nêu bày khắp trong tất cả châu Thiệm Bộ? Đồng thời với Phật xuất hiện đã vô giáo vô lý, tuy có nhiều Hóa thân, nhưng không trái với câu nói: "Không có hai Như Lai xuất hiện nơi đời", vì bốn châu gồm thâu thế giới, như hai Luân vương không đồng xuất hiện nơi đời. Trong đây có tụng:

Hóa thân Phật vi tế,
Nhiều nhập thai bình đẳng,
Vì hiển nhất thiết chủng,
Thành đẳng giác mà chuyển.

Vì muốn tạo lợi lạc cho tất cả hữu tình, phát nguyện tu hành chứng đại Bồ-đề mà rốt ráo Niết-bàn là không đúng đạo lý, vì nguyện hạnh không kết quả lại trở thành lỗi.

Giải thích: Do tám nhân nên chứng thân Biến hóa, là thân tự tánh không xứng với chánh lý. Là các Bồ-tát từ lâu xa đến nay đắc định bất thối, đã từng không thối chuyển, sinh tại thiên Đỗ-sử-đa nơi cõi Dục cũng không xứng lý, huống chi sinh trong nhân loại, không phải trải qua nhiều kiếp, tu định bất thối đắc quả nơi cõi Dục mới phải chánh đạo lý, nên thân biến hóa khác với đạo lý thành tựu của thân tự tánh. "Lại nữa, các Bồ-tát từ lâu xa đến nay thường nhớ túc trụ..." Rộng nói cho đến "Tu khổ hạnh tà là không đúng đạo lý", văn đó dễ hiểu không phiền giải thích lại. "Lại nữa, các Bồ-tát xả bỏ một trăm Câu-chi các châu Thiệm bộ, chỉ tại một xứ thành Đẳng Chánh Giác, chuyển chánh pháp luân là không đúng đạo lý", vì tất cả xứ nầy đều là tương tợ, do đạo lý nầy mà thân Biến hóa đó không phải thân tự tánh. Hoặc là xa lìa các châu Thiệm bộ khác mà thị hiện thành Đẳng Giác, thì chỉ riêng trong châu Thiệm bộ nầy mà chân chứng chánh giác, đem thân Biến hóa nêu bày tác Phật sự khắp các xứ khác. Tại sao không thừa nhận thiên Đỗ-sử-đa

là thật chứng Đẳng giác? Vì Hóa thân đến bốn châu nầy để nêu bày làm Phật sự. Nếu ý ông cho một châu Thiệm bộ thành Đẳng Chánh Giác, còn các xứ khác hiện Hóa thân là đều đúng lý. Nếu chỉ ở tại thiên Đỗ-sử-đa thành Đẳng Chánh Giác, thì tất cả bốn châu nội trong châu Thiệm bộ thị hiện Hóa thân đâu có lỗi gì? Nếu quyết định không thừa nhận tất cả bốn châu thị hiện đẳng chánh giác vô giáo, vô lý nên bất khả thuyết, thì có châu Thiệm bộ không có Phật xuất thế, vì không cùng với khế kinh kia trái nhau, như khế kinh nói: "Không có xứ, không có dung chứa, không phải trước, không phải sau, trong một thế giới có hai Như Lai xuất hiện nơi đời". Nếu thừa nhận một trong châu Thiệm bộ đồng thời có nhiều Phật xuất thế thì cùng với khế kinh kia trái nhau. Để tránh vấn nạn nầy nên nói rằng, tuy có nhiều Hóa thân nhưng không trái với khế kinh kia, không có hai Như Lai xuất hiện nơi đời... khế kinh kia nói: "Một bốn đại châu gọi là một thế giới, không phải một ngàn châu...". Tức là kinh đó nói, như hai Luân vương không đồng thời xuất hiện. Nếu không thừa nhận nhiều Phật cùng lúc xuất hiện trong nhiều bốn đại châu thì cũng không nên thừa nhận có nhiều Luân vương cùng lúc xuất hiện trong nhiều bốn đại châu. Nếu thừa nhận chỉ có trong một bốn đại châu không có hai Luân vương không đồng thời xuất hiện không phải một ngàn châu, thì cũng phải thừa nhận Phật trong một châu không có hai vị đồng thời xuất hiện không phải một ngàn châu. Lại lấy Dà-tha hiện nhiều Hóa thân, hiển đủ tướng giác. "Hóa thân Phật vi tế...", là như Hóa thân Phật thị hiện nhập thai mẹ, như vậy hoá làm Xá-lợi tử... nhiều chúng Thanh-văn, tướng đó mỗi mỗi đều khác, nhập vào tự thai mẹ đồng thời bình đẳng. Vì muốn hiển phát hết thảy chủng giác là tôn thắng, Phật khởi hiện Hóa thân đó, tiếp theo hiện Như Lai rốt ráo Niết-bàn là không đúng đạo lý, là vì lợi lạc cho tất cả hữu tình, phát nguyện tu hành chứng đại Bồ-đề, nguyện nầy hạnh nầy chỉ muốn lợi lạc cho tất cả hữu tình, sự cũng chưa xong, liền nương vào tất cánh Niết-bàn mà bát Niết-bàn là không đúng đạo lý, hai thứ hạnh nguyện đáng lẽ không có quả, vì hiện Niết-bàn là thân Biến hóa, không phải thân Tự tánh.

Luận nói: "Thân Thọ dụng và thân Biến hóa của Phật đã là vô thường, tại sao kinh nói thân của Như Lai là thường? Vì chỗ dựa nơi Pháp thân của hai thân kia là thường. Lại nữa, thân Đẳng lưu và thân Biến hóa vì hằng thọ dụng không bỏ phế, niệm niệm hiện hoá độ vĩnh viễn không dứt tuyệt, như thường thọ lạc, như thường thí thực, thân của Như Lai là thường, phải biết như vậy".

Giải thích: Có khế kinh nói: "Thân Như Lai là thường". Thân thọ

dụng và thân biến hóa của Phật đã là vô thường, tại sao thân Như Lai là thường trụ? Hai thân nầy dù là vô thường, nhưng nương vào Pháp thân, vì Pháp thân là thường nên nó cũng nói là thường. Nói "Thân là thường", hoặc thể là thường, hoặc nương vào thân thường nên gọi là thân thường. Đây là hiển thân đẳng lưu và thân Biến hóa, là dị môn thường không phải tự tánh thường. Lại nữa, thân thọ dụng vì hằng thọ dụng không bỏ phế, như thường thọ lạc, cũng như thế gian nói thường thọ lạc, tuy không phải sự thọ lạc thường không gián đoạn, nhưng mà được nói đây là thường thọ lạc. Thân thọ dụng của Phật phải biết cũng như thế, tuy không phải thường trụ nhưng hoặc nói là thường, vì trong các chúng Bồ-tát kia thọ đại pháp lạc không bỏ phế. Thân Biến hóa của Phật, niệm niệm hiện hoá độ chúng sinh vĩnh viễn không dứt tuyệt, có mật ý nói là thường, như thường thí thực, cũng như thế gian nói thường thí thực, tuy không phải thí thực có thể thường không gián đoạn, nhưng trong niệm niệm bố thí nơi tâm không dứt, gọi là thường thí thực. Thân Biến hóa của Phật phải biết cũng như thế, không phải không có sinh diệt mà gọi là thường, tùy chỗ hoá độ chúng sinh mà niệm niệm thị hiện không dứt nên mật ý nói là thường.

Luận nói: "Do sáu nhân mà sự thị hiện Hóa thân của chư Phật Thế Tôn không phải là tất cánh trụ: 1. Vì chỗ tạo tác cứu cánh thành thục hữu tình đã giải thoát. 2. Vì khiến xả ly bất lạc Niết-bàn, để cầu thân Như Lai thường trụ. 3. Khiến xả ly khinh khi huỷ báng chư Phật, vì khiến ngộ chánh pháp giáo thậm thâm. 4. Khiến đối với Phật sinh khát ngưỡng sâu xa, vì sợ người thường thấy sinh chán lười. 5. Khiến đối với tự thân phát khởi tinh tấn, vì biết người chánh thuyết khó có thể đắc. 6. Vì các hữu tình mà nhanh chóng thành thục, khiến tự tinh tấn không xả bỏ ách. Trong đây có hai bài tụng:

Do việc làm cứu cánh,
Bỏ, không vui Niết-bàn,
Lìa khinh huỷ chư Phật,
Sinh khát ngưỡng sâu xa.
Trong tự phát chánh cần,
Vì nhanh chóng thành tựu,
Nên nhận Hóa thân Phật,
Không phải tất cánh trụ.

Giải thích: "Vì khiến bỏ, không vui Niết-bàn, để cầu thân Như Lai thường trụ", đây là hiển ý Như Lai nhập Niết-bàn, vì thân của Như Lai là vô thường, nên phải vui thích Niết-bàn, hoặc khi cầu thân thường

trụ của Như Lai, thì liền trái nghịch Niết-bàn, Thế Tôn thị hiện diệt để hiển thân vô thường, khiến cho ưa thích Niết-bàn tất cánh thường. "Vì khiến xả ly khinh khi huỷ báng chư Phật, khiến cho ngộ chánh pháp giáo thậm thâm", là nếu thân của chư Phật thường trụ, thì đối với sự hiểu ngộ pháp giáo thậm thâm không cần phải có phương tiện tinh tấn, là bây giờ không ngộ thì sau đó quyết định sẽ ngộ. Nếu thường xuyên tra xét các chúng đệ tử thì liền sinh coi rẽ, chê bai chúng đệ tử tự chấp cho mình đã thấy, họ nói như vầy: "Ta do đấy mà quyết định tránh khỏi sự tra hỏi kia. Nếu Phật không trụ nơi đời thì nơi nào sẽ sinh coi thường chê bai? Đều nói chúng ta chưa đắc mật ý Thế Tôn Niết-bàn. Ai có khả năng không lộn lạo để khai ngộ cho chúng ta?" Cho nên đối với pháp mà dốc cầu giác ngộ, khiến tự thân phát tinh tấn. "Biết người chánh thuyết khó có thể được", là biết Thế Tôn sẽ bát Niết-bàn, liền đối với tự thân phát khởi tinh tấn. Phật là người chánh thuyết pháp của thế gian. Nếu không có Phật thì thế gian không có chỗ để nương tựa. Như vậy đã biết phát khởi tinh tấn. "Vì các hữu tình mà nhanh chóng thành thục, khiến cho tự tinh tấn không xả bỏ ách", là vì tu tinh tấn xả lìa ách thiện cho đến từ khi Thế Tôn chưa diệt độ tới nay, "Các thiện căn của ta quyết định phải cần thành thục". Do sáu nhân đó nên thân Biến hóa Phật không phải tất cánh trụ, để thâu tóm nghĩa nói trên, nên nói tụng: "Do sở tác...".

Luận nói: "Pháp thân của chư Phật từ vô thỉ đến nay vô biệt, vô lượng, không phải vì đắc mà trở lại khởi công dụng. Trong đây có tụng:

Phật đắc nhân vô biệt vô lượng,
Hữu tình nếu bỏ công dụng siêng,
Chứng đắc luôn luôn không thành nhân,
Đoạn nhân như vậy, không đúng lý.

Giải thích: Trong đây có vấn nạn: "Pháp thân của chư Phật từ vô thỉ đến nay là vô biệt, vô lượng khởi nhân chứng đắc, vì cầu quả Phật thì đâu cần thiết công dụng"! Lại có vấn nạn: "Pháp thân của chư Phật từ vô thỉ đến nay vô biệt vô lượng, một vị Phật thì có thể hoàn thành đầy đủ sự lợi lạc của tất cả hữu tình, không nên vì đắc mà trở lại khởi công dụng! Để đáp các vấn nạn nầy, nên nói tụng "Phật đắc...", nghĩa là chư Phật chứng đắc từ vô thỉ đến nay là vô biệt, vô lượng, nếu hữu tình đó vì cầu quả Phật mà bỏ nhân chánh cần, thì sự chứng đắc như vậy luôn luôn không thành nhân. Do Phật chứng đắc mà không phải hữu tình, vì cầu quả Phật mà bỏ nhân chánh cần, do đó không có vấn nạn nầy.

Nếu người lìa chánh cần mà đắc quả Phật, thì tất cả hữu tình xưa nay đều phải đắc, nên không phải đoạn nhân chánh cần. Lại nữa, pháp giới của Phật từ vô thỉ đến nay vô biệt vô lượng, rộng vì tất cả mà làm nhân chứng đắc, khiến cho bi nguyện gắn liền với tâm của Bồ-tát dốc cầu quả Phật, để làm lợi lạc hữu tình, cho nên cầu quả Phật mà phát khởi công dụng siêng năng.

Luận nói: "Nhiếp Đại thừa phẩm trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma, A-tăng-già tôi giải thích sơ lược xong".

Giải thích: Tôi (vô tánh) giải thích sơ lược Nhiếp Đại thừa đã xong. Lại nói tụng:

Tôi vô tánh đã phát,
Diệu nguyện cầu quả Phật,
Nơi cảnh tịnh giáo lý,
Bi huệ chứa trong tâm.
Chánh văn từ các sư,
Tín giải sâu như thật,
Vì huệ niệm hiện tiền,
Nói xong lược thích nầy.
Nơi thậm thâm quảng đại,
Mười nghĩa cần sinh phước,
Nguyện tất cả thế gian,
Đắc đủ tướng diệu trí.

■